

PHỤ LỤC
DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC (BÁC SĨ, DƯỢC SĨ) NĂM 2025

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/ trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
1	001	Nguyễn Trung An	02/9/1989	Nam	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS 002355)	Không	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	42	
2	002	Nguyễn Thị Kim Anh	03/01/2001	Nữ	Đắk Sắk, Lâm Đồng	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000882)	Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
3	003	Nay H' Bảo	24/3/2001	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002590)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	59,8	
4	004	KPă Bay	22/3/1999	Nam	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 04052	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	73,5	
5	005	Nguyễn Thị Hồng Châu	20/9/2001	Nữ	Đề Gi, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0183104)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	88,3	
6	006	Nguyễn Ngọc Diễm	08/8/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200950)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	94,5	
7	007	Hồ Thị Thùy Dung	07/01/2001	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YK000062	Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	94	
8	008	Lâm Trí Dũng	03/8/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (QH113202400022)	Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	63,3	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
9	009	Nguyễn Thị Ánh Dũng	27/01/2001	Nữ	Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0183059)	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	78,5	
10	010	Đỗ Thị Mỹ Duyên	20/4/1999	Nữ	An Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000399)	Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	86	
11	011	Siu H' Dương	21/7/1998	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002805	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại Tổng Hợp	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	66,5	
12	012	Nay Đại	14/9/1999	Nam	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa CA6320	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	67,8	
13	013	H Đok Đinh Đại	26/3/1998	Nam	Mang Yang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002866	Không	Không	Khoa Ngoại – Sản - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	50	
14	014	Nguyễn Quốc Đạt	26/12/1997	Nam	Đề Gi, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0142064)	Không	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	61	
15	015	Đặng Xuân Đạt	01/12/1998	Nam	Hội Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (001430)	Không	Thu hút	Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	90,3	
16	016	Trương Công Đô	13/10/2001	Nam	Mang Yang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 7201122	Không	Không	Khoa Ngoại – Sản - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	77	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
17	017	Võ Sỹ Đông	19/02/1981	Nam	Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 010643 Bác sĩ Chuyên khoa I sản phụ khoa 0038334	Không	Không	Khoa Ngoại sản - CSSKSS	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	79,3	
18	018	Kpă H' Gon	26/10/1997	Nữ	Chư A Thai, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B000316)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	72,8	
19	019	Nguyễn Nguyên Giáp	12/5/1996	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000516)	Không	Thu hút	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	62,5	
20	020	Dương Xuân Hà	13/11/1994	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002877)	Không	Không	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	82,3	
21	021	Lê Hải Hà	24/5/1999	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200406)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	82,3	
22	022	Rmah HaLi	16/3/2001	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002858	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	80,5	
23	023	Nguyễn Duy Hào	26/01/2001	Nam	Cát Tiến, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000899)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	84,5	
24	024	Vũ Đình Hậu	25/11/1999	Nam	H'Ra, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002145	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
25	025	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/12/1986	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 002205 Chuyên khoa I 0050474	Không	Không	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	91	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
26	026	Nguyễn Thị Kim Hoàn	15/7/2000	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 300007	Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Ia Grai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	59	
27	027	Lương Gia Huy	12/11/2000	Nam	An Lương, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002476)	Không	Thu hút	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	73	
28	028	Đặng Nguyễn Đức Huy	17/02/1999	Nam	Bình Định, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200437)	Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	86,5	
29	029	Nguyễn Xuân Hưng	13/3/1993	Nam	Ia Phí, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000720)	Không	Không	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	63	
30	030	Nguyễn Duy Hưng	05/9/1992	Nam	Phù Cát, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS002376)	Không	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	90,5	
31	031	Ngô Thị Thu Hương	19/9/1998	Nữ	Ia Rsai, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.000319	Không	Không	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	82,5	
32	032	Nguyễn Thị Mộng Kiều	07/10/1999	Nữ	Cát Tiến, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002253)	Không	Thu hút	Khoa Tim mạch -Nội tiết	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	80,8	
33	033	Nguyễn Bảo Kha	08/6/2000	Nam	An Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (020263)	Không	Thu hút	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	58,3	
34	034	Võ Hoàng Khánh	24/3/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (VTTUDM00003504)	Không	Không	Khoa Bệnh nghề nghiệp - Cơ sở 1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	75,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
35	035	Trần Sĩ Khoa	03/12/1996	Nam	Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS002384)	Không	Không	Khoa PHCN	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	42,5	
36	036	Cao Tuấn Khoa	16/02/1986	Nam	Châu Thới, Cà Mau	Bác sĩ Y khoa (011324) và Bác sĩ Chuyên khoa cấp I Nội khoa (0035386)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
37	037	Nguyễn Thị Mỹ Lam	01/4/2001	Nữ	Hoài Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YK.000020)	Không	Không	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	21,1	
38	038	Ksor H' Li Lan	25/10/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (001340)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	56,5	
39	039	Nguyễn Hoàng Lâm	23/5/2001	Nam	An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002666)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	66	
40	040	Siu H' Lên	27/11/1999	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002412	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	99	
41	041	Ksor Lin	28/8/2000	Nam	Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002816)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	45	
42	042	Lê Vương Diệu Linh	12/5/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000551)	Không	Không	Phòng khám đa khoa cơ sở 2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	79	
43	043	Lưu Mỹ Linh	19/12/1997	Nữ	An Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000141)	Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	90	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
44	044	Nguyễn Như Hoàng Linh	22/8/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002670)	Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	92,5	
45	045	Ksor H' Linh	06/6/1999	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002413	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	94,3	
46	046	Lưu Mỹ Loan	31/10/2001	Nữ	Tam Giang, Đắk Lắk	Bác sĩ Y khoa (BMT.B.000843)	Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	76,5	
47	047	Phạm Thị Hồng Loan	13/7/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002680)	Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	67	
48	048	Ngô Quang Long	06/10/2001	Nam	An Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK:002682)	Không	Thu hút	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	47,5	
49	049	Thái Hoàng Lộc	10/7/2001	Nam	Diên Hồng, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7201229)	Không	Không	Khoa Ngoại - Sản	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	35	
50	050	Siu H' Lôm	23/9/1997	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK001600)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Truyền Nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
51	051	Siu Lok	20/8//1996	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TVU.3.002038	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	93,5	
52	052	Rcom H' Lúy	26/3/1999	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 03313	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	84,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
53	053	Nguyễn Thị Mai Ly	02/10/1993	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa VTTUDM00003429	Không	Không	Khoa Khám bệnh- Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	59,5	
54	054	Hoàng Thị Ngọc Mai	02/01/2001	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YK 000022)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	80,5	
55	055	Trương Quang Minh	30/8/2000	Nam	Vĩnh Quang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV BS 001843)	Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	37	
56	056	Rah Lan Mru	15/12/1998	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002415	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	38	
57	057	Phan Thị Thảo My	29/3/1999	Nữ	An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000416)	Không	Không	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	58	
58	058	Võ Thị My	02/11/2001	Nữ	Hội Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000916)	Không	Không	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	41,8	
59	059	Hoàng Văn Nam	11/8/1976	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (032664) và CK cấp I CĐHA (0075043)	Không	Không	Trạm Y tế Ia Bông	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	72,3	
60	060	Đỗ Phạm Hoài Ninh	01/11/1999	Nam	Hoài Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (1066192023050000 08; Văn bằng đào tạo bổ sung B.04486)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	30,8	
61	061	KPã H' Nur	11/3/1998	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.001995	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	99	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
62	062	Nguyễn Thị Xuân Nữ	27/3/2000	Nữ	Canh Vinh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200930)	Không	Không	Khoa Nội Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	74,8	
63	063	Kpă H' Nga	29/5/1995	Nữ	Chư A Thai, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.001740	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa YHCT-PHCN	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	47	
64	064	Siu H' Nga	02/02/2000	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YK 000079	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Cận Lâm Sản	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	69,5	
65	065	Nguyễn Thị Thu Ngân	26/3/2001	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YKV.BS002317	Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	27,5	
66	066	Nguyễn Trọng Nghĩa	10/02/2000	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN_YK002296)	Không	Thu hút	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	87,3	
67	067	Đinh Thị Ngoãn	17/8/2000	Nữ	Hải Quang, Ninh Bình	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS001665)	Không	Không	Khoa Nội Nhi	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	95,3	
68	068	Phạm Hồng Ngọc	14/9/2000	Nữ	Ia Rsai, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000558)	Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	85	
69	069	Võ Xuân Nhẫn	23/5/1999	Nam	Bình Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK 001880)	Không	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	95	
70	070	Trần Huỳnh Thanh Nhật	19/7/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK002718)	Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	97	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
71	071	Nguyễn Thị Yến Nhi	26/4/2000	Nữ	Kông Chro, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK002825)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	97	
72	072	Lê Thị Hồng Nhung	16/9/1995	Nữ	Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DM00001012)	Không	Không	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	76	
73	073	Trần Huỳnh Uyển Nhung	19/11/1995	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.00096	Không	Không	Trạm Y tế Pleiku cơ sở 3	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	87,8	
74	074	Bùi Thị Phương Như	18/01/1995	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000162)	Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sinh	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	43,5	
75	075	Nay Phim	28/01/1996	Nam	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YDS.B1.000897	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nam	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	95,5	
76	076	Đào Duy Phước	08/12/2001	Nam	Ngô Mây, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7201137)	Không	Không	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	43,3	
77	077	Thái Thị Kiều Phương	12/02/1999	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.001896	Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	77,5	
78	078	Nay H' Quynh	24/7/2000	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (CA6510)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	70	
79	079	Phạm Thị Xuân Quỳnh	01/01/2001	Nữ	Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YHN3100431	Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	65,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
80	080	Siu Rak	10/10/1994	Nam	Ia Hnú, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TN.YK.002868	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Ngoại Tổng hợp - LCK	Trung tâm Y tế Ia Grai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	67	
81	081	Ksor Rôbek	21/12/1995	Nam	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa CA2562	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	91	
82	082	Lê Văn Sang	01/8/1995	Nam	Tuy Phước Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (C0007209)	Không	Thu hút	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	72,3	
83	083	Đỗ Thị Hồng Sâm	25/5/2000	Nữ	Ngô Mây, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0161617)	Không	Không	Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
84	084	Lưu Thị Soan	19/4/2001	Nữ	Bình Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002742)	Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	98	
85	085	Siu H' Sương	24/11/1999	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002422	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	97,8	
86	086	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/02/2000	Nữ	Tây Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (PNTU.BS/002403)	Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Tây Sơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	45,8	
87	087	Lê Thị Kim Tiền	26/01/1998	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B000350	Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	80	
88	088	Đồng Đức Tiến	30/8/2000	Nam	Đak Đoa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000629)	Không	Không	Khoa Ngoại - LCK	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	93	
89	089	Lê Văn Tính	22/7/2000	Nam	An Lương, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (020284)	Không	Thu hút	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	97	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
90	090	Lương Bảo Toàn	05/5/1995	Nam	Hòa Hội, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (VTUDM00003802)	Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	87,5	
91	091	Nguyễn Danh Tuấn	27/8/1992	Nam	Hội Phú, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.000789	Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	68,5	
92	092	Lê Văn Tuyển	28/8/1978	Nam	Đak Đoa, Gia Lai	Bác sĩ Chuyên khoa cấp 1 chẩn đoán hình ảnh (BS: 039128; CKI: 0075088)	Không	Không	Trạm Y tế xã Kon Gang - cơ sở 4	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	59,5	
93	093	Hồ Cát Tường	01/6/1994	Nam	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000750)	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Không	Khoa Khám bệnh đa khoa-Cấp cứu	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	80,3	
94	094	Đỗ Thị Thanh	26/6/2000	Nữ	Ea Knuéc, Đăk Lăk	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK002333)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
95	095	Vũ Trương Long Thành	01/01/2001	Nam	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7201148)	Không	Không	Khoa Ngoại	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	61,5	
96	096	Kpă H' Thảo	22/02/2001	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YK 000095)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	71	
97	097	Lê Thị Hồng Thắm	06/01/2001	Nữ	An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002753)	Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	94,8	
98	098	Phạm Ngọc Thắng	27/6/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (NTTYK.10100098)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	70,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
99	099	Đào Quốc Thịnh	14/8/1995	Nam	Kon Gang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa BMU.B.000782	Không	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	72,3	
100	100	Huỳnh Phú Thịnh	16/7/2000	Nam	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.183144)	Không	Thu hút	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	98	
101	101	Thuch	14/6/1992	Nam	H'Ra, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002132	Người dân tộc thiểu số	Không	Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2	Trung tâm Y tế Mang Yang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	53	
102	102	Ngân Văn Thùy	13/4/1988	Nam	Kông Chro, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (023718)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	22	
103	103	Nguyễn Thị Thủy	17/6/2000	Nữ	An Bình, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002360)	Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	90,3	
104	104	Rơ Mah H' Thủy	1997	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002426	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	54,8	
105	105	Đỗ Thị Thúy	18/4/1993	Nữ	Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 034542	Không	Không	Khoa Ngoại - LCK	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	81,5	
106	106	Hồ Thị Thư	14/9/1996	Nữ	Tân Mai, Nghệ An	Bác sĩ Y khoa (YDTBC000180)	Không	Thu hút	Khoa Tâm bệnh	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	59,3	
107	107	R' Ô Thừa	15/4/1995	Nam	Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa TTN.YK.002427	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Hồi Sức cấp cứu	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	81	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
108	108	Nguyễn Thị Trang	04/8/1996	Nữ	Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (C0003078)	Người dân tộc thiểu số	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Hoài Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	64,5	
109	109	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/8/2000	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002383)	Không	Thu hút	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
110	110	Nguyễn Minh Trọng	06/6/1994	Nam	An Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0142099)	Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	98	
111	111	Đình Quốc Trung	20/01/2000	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YK000253	Không	Không	Khoa Liên chuyên khoa	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	24,5	
112	112	Phạm Xuân Trung	22/11/2000	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0161634)	Không	Không	Khoa phòng chống HIV/AIDS	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	51	
113	113	Ksor H' Truyền	22/4/1994	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 001377	Người dân tộc thiểu số	Không	Trạm Y tế xã Ia Pa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
114	114	Nguyễn Thị Vân	24/10/1994	Nữ	Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS002419)	Không	Không	Khoa Nội, Tư vấn và điều trị nghiện chất	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	76	
115	115	Nguyễn Hoàng Ái Vi	30/8/2000	Nữ	An Lão, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200907)	Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	97,3	
116	116	Hồ Tường Vi	04/01/1997	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.000950)	Không	Không	Khoa Xét nghiệm	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	85,3	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
117	117	Cao Tấn Vũ	21/9/1996	Nam	Tây Ninh Hòa, Khánh Hòa	Bác sĩ Y khoa (BMU.B.001019)	Không	Không	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	80	
118	118	Trần Đình Khiêm	15/12/1993	Nam	Vân Canh, Gia Lai	Bác sĩ Y Khoa (000415) và Thạc sĩ Bác sĩ CK Nhi (004042)	Không	Không	Khoa Nhi	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Chuyên khoa cấp I Nhi	Bác sĩ (hạng III)	93,8	
119	119	Phạm Thị Thùy Dung	27/10/1993	Nữ	An Khê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 000402 Bác sĩ CKI Sản phụ khoa 0076838	Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Chuyên khoa I Sản phụ khoa	Bác sĩ (hạng III)	81	
120	120	Võ Thị Phu	12/8/1995	Nữ	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Chuyên khoa I Sản phụ khoa (ĐH DM00001165; CKI 0077327)	Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Chuyên khoa I Sản phụ khoa	Bác sĩ (hạng III)	50,8	
121	121	Võ Nguyễn Đan Phương	12/7/2001	Nữ	Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt (DHH.6.K0000111)	Không	Thu hút	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ (hạng III)	73	
122	122	Võ Xuân Ân	01/01/2000	Nam	Bồng Sơn, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.0000049)	Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	99,6	
123	123	Ksor H' Chuyên	10/11/1996	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ YHCT YDS/B3.000212	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	90	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
124	124	Rah Lan H' ĐiỀ	08/5/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000054)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	96,8	
125	125	Ngô Thị Thanh Hà	22/10/2001	Nữ	Ia Dom, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 04099	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	98,5	
126	126	Nguyễn Thị Kim Hoa	30/10/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0001065)	Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	90,8	
127	127	Nguyễn Lê Khánh Huy	21/12/2001	Nam	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (04388)	Không	Thu hút	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	100	
128	128	Phan Việt Hưng	25/3/1994	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (00750)	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
129	129	Chu Thị Kiên	03/7/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 02090	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	78,3	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
130	130	Ksor H' Ky	30/9/1999	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000641)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	82,5	
131	131	Nguyễn Lê Khánh	18/11/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0003946)	Không	Thu hút	Phòng Kế hoạch tổng hợp-CĐT	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	86	
132	132	Nay Khôi	01/11/1999	Nam	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ YHCT DA0663	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội Nhi Nhiễm - YHCT	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	93,8	
133	133	Nguyễn Thị Hương Liên	24/5/1999	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 03202	Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	79	
134	134	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/02/2000	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (03810)	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	33,5	
135	135	Rah Lan H' Lý Lú	21/9/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000434)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	75	
136	136	Nay H' Nip	08/10/1998	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ YHCT P0000569	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	96,6	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
137	137	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/11/1997	Nữ	Phù Mỹ, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0003036)	Con thương binh	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	99,6	
138	138	Nguyễn Thị Kiều Oanh	15/11/2001	Nữ	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.00021)	Không	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	95,8	
139	139	Đặng Ngọc Phước	04/01/2001	Nam	Bình Dương, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000782)	Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	95,4	
140	140	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/02/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0002136)	Không	Không	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	87,5	
141	141	Nguyễn Trúc Phương	26/8/1999	Nữ	Bình Hiệp, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000466)	Không	Thu hút	Khoa Chăm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	63	
142	142	Hồ Trúc Phương	02/02/2000	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 03506	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	35	
143	143	Thái Thị Bích Phương	08/02/2001	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000788)	Không	Thu hút	Khoa Chăm cứu - dưỡng sinh	Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	90,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
144	144	Phan Vũ Hương Quỳnh	01/01/2000	Nữ	An Lão, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000679)	Không	Thu hút	Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	100	
145	145	Nguyễn Thị Thanh Sang	02/01/2001	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ YHCT YDS.B3.000800	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	95,5	
146	146	Siu Thâm	21/3/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000350)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	98,6	
147	147	Nguyễn Thị Thu Thùy	15/12/1997	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (C0002163)	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện y dược cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
148	148	Nguyễn Lê Trung Thư	28/5/2001	Nam	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.0000078)	Không	Thu hút	Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	62	
149	149	Lê Văn Thương	10/4/1993	Nam	An Nhơn, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (TDU.4000280)	Hoàn thành nghĩa vụ công an	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)		Bỏ thi
150	150	Lê Thị Tròn	08/11/2001	Nữ	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.I.0000029)	Không	Thu hút	Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	98	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
151	151	Mai Phương Uyên	20/11/1998	Nữ	Mang Yang, Gia Lai	Bác sĩ YHCT 02861	Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	75	
152	152	Nguyễn Ái Vi	08/02/2001	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.1.0000011)	Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	100	
153	153	Võ Thị Kim Yến	14/9/2001	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (DHH.6.1.0000031)	Không	Không	Khoa Nội 2	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	98	
154	154	Lưu Ngọc Ánh	25/10/2000	Nữ	An Phú, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (002916)	Không	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	28	
155	155	Nay H' Hiền	26/8/1997	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Bác sĩ YHDP 002915	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Y tế công cộng-Dinh dưỡng-ATVSTP	Trung tâm Y tế Krông Pa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	88	
156	156	Nguyễn Văn Hiệp	21/02/2001	Nam	An Bình, Gia Lai	Bác sĩ YHDP (DHH.6.L.0000009)	Không	Không	Khoa KSBT-HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	78	
157	157	Đinh Thị Hương	22/11/2000	Nữ	Canh Liên, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (DHH.6L.0000037)	Người dân tộc thiểu số	Thu hút	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Văn Canh	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	50,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
158	158	Lê Thị Kim Khánh	13/4/2001	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Bác sĩ YHDP DHH.6.1.0000032	Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	79,8	
159	159	Võ Thị Kim Khuê	18/3/2001	Nữ	Đề Gi, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (DHH.6L.0000018)	Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	96	
160	160	Trần Thị Ngọc Liên	05/5/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Bác sĩ YHDP C0003776	Không	Không	Khoa KSBT - HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	99	
161	161	Nguyễn Thị Trà My	02/02/2001	Nữ	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (TVU700237)	Không	Thu hút	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Vân Canh	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	39,8	
162	162	Rơ Châm Oanh	28/11/1999	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (C0003805)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	77,3	
163	163	Ksor H' Phyen	16/6/1998	Nữ	Ia Đok, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (C0003993)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Y tế công cộng, DD và an toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
164	164	Châu Lệ Quyên	13/4/2000	Nữ	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (002886)	Không	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	68,8	
165	165	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/12/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ YHDP C00000873	Không	Không	Khoa KSBT và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	95,8	
166	166	Siu H' Them	28/4/1998	Nữ	Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ YHDP EA0365	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS và An toàn thực phẩm	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	77,5	
167	167	Phạm Thị Thom	20/7/1993	Nữ	Al Bá, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (0004679)	Không	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	57,5	
168	168	Phạm Thị Bích Thùy	12/01/1991	Nữ	Ia Pia, Gia Lai	Bác sĩ YHDP DHH.6.L.0000029	Không	Không	Khoa KSBT và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	84	
169	169	Trương Hồng Thương	05/4/1998	Nữ	Kbang, Gia Lai	Bác sĩ YHDP C0003815	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	13	
170	170	Nguyễn Thị Cẩm Vân	28/9/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (DHH.6.L.0000015)	Không	Thu hút	Trạm Y tế phường Bình Định	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	86,3	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
171	171	Rcom Đa Vít	18/9/1997	Nam	Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ YHDP 002615	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	50	
172	172	Trần Thị Diệu Ái	25/4/1998	Nữ	Ia Rsai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002.812)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	2,5	
173	173	Nguyễn Hoàng An	25/4/1991	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0000534	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	50,5	
174	174	Hà Kiều Anh	18/9/2000	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDS.DS.000908	Người dân tộc thiểu số	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	51	
175	175	Mai Hoàng Anh	12/9/1998	Nam	Mang Yang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0502064)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	76	
176	176	Nguyễn Thị Mai Anh	01/12/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000256	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	69,5	
177	177	Trần Tuấn Anh	24/02/2001	Nam	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.001379)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	50	
178	178	Nguyễn Thị Lan Anh	18/10/1995	Nữ	Cửu An, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000359)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	81,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
179	179	Nguyễn Ngọc Ánh	17/11/1995	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000150	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	84,5	
180	180	Lê Thị Ngọc Ánh	01/5/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10200585)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	32,5	
181	181	Nguyễn Gia Bảo	26/6/1997	Nam	Bình Định, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.000034)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
182	182	Lê Thái Bảo	20/6/1992	Nam	Ia Ko, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000660	Không	Không	phòng Dược lý -Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	70	
183	183	Rơ Ô Buih	22/01/1994	Nam	Ia Dreh, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDC.DS.001328	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	1,5	
184	184	Đinh Văn Can	03/7/1995	Nam	An Vinh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0003275)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	32	
185	185	Nay H' Cheo	21/12/1994	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300597)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	61	
186	186	Nguyễn Lan Chi	06/8/1999	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002816)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	58	
187	187	Lương Phương Chi	29/9/2000	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D000678)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	60,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
188	188	Lê Thị Chinh	18/11/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301550	Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	59,5	
189	189	Trần Thị Kiều Diễm	01/8/1992	Nữ	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005236)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	91	
190	190	Lê Thị Thùy Dung	13/5/1998	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100346)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	43	
191	191	Võ Đặng Nhất Duy	17/5/1997	Nam	Bình Định, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS10101987)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	93	
192	192	Ngô Hồng Phương Duy	06/12/1999	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301558	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	75,5	
193	193	Trần Thị Hồng Duyên	19/9/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010248)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	15	
194	194	Lê Kỳ Duyên	06/02/1998	Nữ	Ia Hung, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100354)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
195	195	Ngô Thị Đào	24/09/1993	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0001320)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
196	196	Nguyễn Thành Đạt	17/5/1996	Nam	An Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302638	Không	Không	Phòng kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	1	
197	197	Huỳnh Thị Định	14/6/1987	Nữ	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000373)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
198	198	Hồ Thị Thanh Giao	11/10/2002	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000309	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	14,5	
199	199	Dương Nguyễn Khánh Hà	03/3/1997	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược DS00562	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	3	
200	200	Lê Thu Hà	29/12/1994	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (016076)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	39,5	
201	201	Nguyễn Ngọc Hải	06/02/1998	Nam	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301881	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
202	202	Trương Thị Mỹ Hào	21/6/2003	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000405	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	17	
203	203	Lương Thị Thu Hằng	17/8/1996	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược 001074	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
204	204	Lê Thị Hằng	12/8/1998	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301007)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
205	205	Trần Thị Hằng	17/5/1996	Nữ	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH 0502396)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	0	
206	206	Nguyễn Thị Thúy Hiền	12/8/1995	Nữ	K'dang, Gia Lai	Đại học ngành Dược 2018/Q5DH13/1372	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	41	
207	207	Lê Thị Thu Hiền	04/8/1997	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Thạc sĩ Đại học ngành Dược (7300031) Thạc sĩ ngành Dược (YDS.Ths.002173	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	59,5	
208	208	Lê Thị Hiền	28/3/1988	Nữ	Ân Hảo, Gia Lai	Đại học ngành Dược (030725)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	72	
209	209	Trần Thị Hồng Hiếu	17/12/1995	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10105101	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	81,5	
210	210	Trần Bùi Trọng Hiếu	10/8/2000	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102678)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	8,5	
211	211	Phạm Thị Thảo Hoa	01/12/1994	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300621)	Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	10,5	
212	212	Lê Thị Hoa	29/7/1998	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301381)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
213	213	Phạm Nguyễn Hoàng Hoa	28/01/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.000987)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	4,5	
214	214	Dương Thị Thanh Hoài	26/3/2001	Nữ	Đắk Hà, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (0000030)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	0	
215	215	Nguyễn Thị Bích Hoàng	02/12/1997	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300034)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27,5	
216	216	Nguyễn Thị Thu Hồng	13/10/1998	Nữ	Kông Bơ La, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DS.2025/101.1571)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	68	
217	217	Long Nhie Huân	17/9/1991	Nữ	Ia Hnú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010993)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	4	
218	218	Lê Thị Minh Huệ	20/12/1994	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.00014)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
219	219	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/4/1994	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014511	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	40,5	
220	220	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/11/1998	Nữ	Kon Tum, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược 10100403	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	11,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
221	221	Nguyễn Thị Huyền	30/9/1992	Nữ	Ia Hung, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0501275)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
222	222	Vũ Thị Ngọc Huyền	03/6/1997	Nữ	Uar, Gia Lai	Đại học ngành Dược 029274	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	42	
223	223	Phạm Phúc Hưng	14/10/1995	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000512)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
224	224	Nguyễn Thị Hương	11/8/1994	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (025344)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27,5	
225	225	Nguyễn Trần Ngọc Hương	20/9/1999	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000407)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	2,5	
226	226	Phạm Thị Diệu Hương	17/3/2001	Nữ	Ia Hiao, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDS.DS.00t466	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	7	
227	227	Huỳnh Thị Diễm Hương	06/01/1997	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300037)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	12,5	
228	228	Huỳnh Thị Thanh Hương	02/01/1990	Nữ	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10203945)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	15,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
229	229	Lê Thị Hương	23/7/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	Đại học ngành Dược D0001358	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	36,5	
230	230	Đinh Thị Thanh Hường	29/9/1994	Nữ	An Lão, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0003037)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	55	
231	231	Vũ Văn Kiên	07/7/1996	Nam	Đức Cơ, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300448	Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	74,5	
232	232	Ksor H' Kinh	11/8/1995	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Đại học ngành Dược (017371)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	32,5	
233	233	Nguyễn Minh Khanh	27/10/2000	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (001338)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	1,5	
234	234	Nguyễn Trần Kim Khánh	02/01/2001	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000144)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	43	
235	235	Bùi Anh Khoa	04/6/1996	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021366)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	14	
236	236	Đoàn Thị Diệu Khuê	19/02/1989	Nữ	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10200063)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	6	
237	237	Lê Mỹ Linh	16/6/1998	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDS.DS000526	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	85	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
238	238	Phạm Khánh Linh	03/11/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301754)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	44,5	
239	239	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (10101671)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	80	
240	240	Lê Thị Phương Linh	12/02/1999	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002856)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	88	
241	241	Trần Võ Thị Mỹ Linh	07/9/1997	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300225)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26	
242	242	Nguyễn Trịnh Thùy Linh	22/5/2001	Nữ	Chư Păh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000232)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	69,5	
243	243	Ksor Y Linh	14/8/2000	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001291	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	94,5	
244	244	Nguyễn Thị Chi Linh	10/10/1998	Nữ	An Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU 000241)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	81,5	
245	245	Đỗ Lê Diệu Linh	08/9/1999	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10101390)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	92,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
246	246	Huỳnh Thị Ngọc Linh	12/02/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 028991	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	81,5	
247	247	Nguyễn Thị Cẩm Long	23/09/2000	Nữ	Ia Krêl, Gia Lai	Đại học ngành Dược D103061	Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	75,5	
248	248	Phạm Thị Lý	05/01/1996	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (017497)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
249	249	Nguyễn Thị Mai	13/6/1995	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0003220)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	93	
250	250	Đoàn Thị Ngọc Mai	20/9/1995	Nữ	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DUD 000050)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	93,5	
251	251	Nguyễn Đức Mạnh	29/02/1996	Nam	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 015949	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	82,5	
252	252	Ksor H' Môt	09/11/2001	Nữ	xã Ea Ly, tỉnh Đắk Lắk	Đại học ngành Dược D0001280	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
253	253	Đỗ Thị Trà My	19/9/2001	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001139	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
254	254	Nguyễn Uyên My	01/4/2002	Nữ	Bình An, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104632)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	92	
255	255	Trần Thị Trà My	04/5/1997	Nữ	Ân Hảo, Gia Lai	Đại học ngành Dược (003900)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	81	
256	256	Nguyễn Thị Trà My	24/10/1988	Nữ	Ia Ly, Gia Lai	Đại học ngành Dược 516/DH	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	44	
257	257	Nguyễn Thị Xuân Nở	10/8/1989	Nữ	Ân Hảo, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10202126)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
258	258	Lê Nguyễn Ngọc Nữ	01/12/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302194)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	50,5	
259	259	Nguyễn Hồng Nga	10/12/1995	Nữ	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0002930)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26	
260	260	Rô Ngan	02/6/1994	Nam	Ia Dreh, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0002949	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	41	
261	261	Alê H' Ngát	26/12/1996	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300918	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	54	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
262	262	Hồ Thị Ngân	10/6/1991	Nữ	Chư Păh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104920)	Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	57	
263	263	Trần Nguyễn Thảo Ngân	19/12/2002	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000327	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	60,5	
264	264	Võ Tấn Nghĩa	10/7/1997	Nam	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DL05202517)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
265	265	Nguyễn Thị Hồng Nghĩa	08/02/1999	Nữ	KDang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301780)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
266	266	Phạm Thái Ngọc	26/3/2002	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D 103349)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
267	267	Trần Thị Như Ngọc	06/01/2002	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104680)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24	
268	268	Đào Bảo Ngọc	15/10/1999	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302209)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
269	269	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	10/10/1995	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược 025427	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	82	
270	270	Lê Thị Kim Ngọc	01/9/1998	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301386)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
271	271	Hà Thị Bích Ngọc	26/8/1994	Nữ	Cửu An, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0002981	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	48	
272	272	Nguyễn Thảo Nguyên	02/7/1995	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10201065	Không	Không	Khoa Dược - TTB - VTYT	Trung tâm Y tế Chư Pưh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	10	
273	273	Lê Thị Thu Nguyệt	20/11/1982	Nữ	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (014699)	Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	33	
274	274	Y Nhân	23/7/1992	Nữ	Dục Nông, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (D0001128)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
275	275	Nguyễn Thị Hồng Nhi	25/4/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102268)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	33	
276	276	Nguyễn Lê Uyên Nhi	10/02/2001	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302571)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	84	
277	277	Cà Thảo Băng Nhi	11/02/1997	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (001527)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	45,5	
278	278	Nguyễn Hà Diệu Nhi	07/5/2001	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302567)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	94	
279	279	Phạm Hồng Yến Nhi	22/8/2001	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000810	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	85	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
280	280	Nguyễn Thị Kiều Nhi	28/10/1995	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.001077	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	34,5	
281	281	Ngô Thảo Nhi	05/9/2002	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000990	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	95	
282	282	Đinh Thị Thúy Nhung	25/7/1992	Nữ	Đức Cơ, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001109	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	76,5	
283	283	Lê Thị Cẩm Nhung	03/01/2001	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302574)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	47,5	
284	284	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22/4/2002	Nữ	Vân Canh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH 0502649)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Vân Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	68,5	
285	285	Trần Thị Kim Oanh	22/8/1995	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược 016064	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	35	
286	286	Nguyễn Thị Oanh	26/3/2001	Nữ	Pờ Tó, Gia Lai	Đại học ngành Dược A000072	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	35,5	
287	287	Lê Nguyễn Hoàng Oanh	28/12/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 030869	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23	
288	288	Trần Thị Phong Phú	13/02/2000	Nữ	Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (DND.6.0171129)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
289	289	Mai Đức Phúc	02/4/1994	Nam	Ia Hung, Gia Lai	Đại học ngành Dược (014614)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	61	
290	290	Tô Thị Hoàng Phúc	08/10/1997	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100461)	Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	37,5	
291	291	Nguyễn Thị Tú Phương	25/5/1998	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301140)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm Mỹ phẩm - Thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	53,5	
292	292	Phạm Thị Minh Phương	27/12/1996	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10201207)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	83,5	
293	293	Lê Thị Phương	22/8/1998	Nữ	Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DS01727)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	83	
294	294	Nguyễn Thị Ngọc Qui	02/6/1994	Nữ	Hòa Mỹ, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược 027697	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	54	
295	295	Huỳnh Thị Quý	20/3/1994	Nữ	Bầu Cạn, Gia Lai	Đại học ngành Dược 020983	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	11	
296	296	Siu Êu Rô	04/8/1996	Nam	Quảng Lập, Lâm Đồng	Đại học ngành Dược (0000235)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	40,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
297	297	Rmah H' RơBeKa	18/6/1990	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 008369 Thạc sĩ Tổ chức QL Dược 001647	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	58	
298	298	Đinh Thị Sách	19/9/2002	Nữ	Kông Chro, Gia Lai	Đại học ngành Dược DHH.6.G.0000140	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	20	
299	299	Đoàn Lê Phi Sơn	29/11/1995	Nam	An Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10205194)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	59,5	
300	300	Nay H' Sra	12/10/1994	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Đại học ngành Dược (023863)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	93,5	
301	301	Đặng Đức Tài	03/9/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010126)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	66,5	
302	302	Vi Thị Táo	12/12/1997	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0000359)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	79,5	
303	303	Hồ Minh Tâm	03/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU000217)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	55,5	
304	304	Nguyễn Thị Xuân Tâm	16/3/1997	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược DTY/DS/00033 Thạc sĩ Dược 0006540	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	8	
305	305	Đặng Võ Bảo Tiên	08/02/1997	Nữ	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D 0001011)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
306	306	Trần Đức Tín	17/5/1993	Nam	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005062)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	20	
307	307	Phan Anh Tuấn	25/11/1997	Nam	An Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301229)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
308	308	Lê Nguyễn Anh Tuấn	12/12/1992	Nam	Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021493)	Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	9	
309	309	Phạm Trần Kim Tuyền	29/9/2002	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000320)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	8	
310	310	Đinh Thị Tuyết	23/3/2002	Nữ	Kông Bơ La, Gia Lai	Đại học ngành Dược DHH.6.G.0000174	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	34	
311	311	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	19/5/1994	Nữ	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301423)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Vân Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
312	312	Nguyễn Văn Thái	10/9/1993	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014550	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	12,5	
313	313	Nguyễn Thị Phương Thanh	02/01/1996	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (020106)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	40	
314	314	Đỗ Thị Thanh Thanh	15/12/1995	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301312	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	32,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
315	315	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021444)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	5	
316	316	Đỗ Xuân Thảo	06/3/1994	Nữ	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014550	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	1	
317	317	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/10/2001	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001151	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	8	
318	318	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/11/2002	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10104570	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	21	
319	319	Lê Thị Ngọc Thắm	03/4/2002	Nữ	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU 000342)	Con thương binh	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	94,5	
320	320	Biện Tấn Hoàng Thắng	26/10/1986	Nam	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0000170)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	66	
321	321	Biện Tấn Hoàng Thiện	19/8/1988	Nam	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0001445)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	42	
322	322	Ksor Thĩn	10/01/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0502328)	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	20	
323	323	Rơ Mah Gia Thịnh	27/11/1999	Nam	Ia Hung, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10102269	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
324	324	Mai Thị Thọ	21/9/1997	Nữ	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005284)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	52	
325	325	Trần Thị Ngọc Thoa	18/3/1993	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Thạc sĩ ngành Dược (001623)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Vân Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	80	
326	326	Đinh Nguyễn Bích Thủy	05/02/2002	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000348	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	6	
327	327	Phạm Thanh Thủy	10/12/1996	Nữ	Xuân Thọ, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược (DLH 0501560)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
328	328	Lương Thị Thúy	10/3/1992	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100945)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	14,5	
329	329	Vũ Thị Hồng Thúy	09/10/1993	Nữ	Krong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0020354)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
330	330	Phạm Thị Diễm Thúy	15/8/2000	Nữ	An Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (001486)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	67	
331	331	Lê Ngọc Anh Thư	22/02/1999	Nữ	Đức Cơ, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301686	Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	38	
332	332	Trần Thị Bích Thư	30/4/2001	Nữ	Chư Krey, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DH02606)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	16	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
333	333	Phạm Minh Thư	20/02/2000	Nữ	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000622)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	34	
334	334	Lê Quỳnh Thư	03/02/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000859	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	56	
335	335	Ksor H' Thura	20/12/1998	Nữ	Ia Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 010166	Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	10	
336	336	Nguyễn Thị Thực	20/9/1994	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301506	Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	43,5	
337	337	Lê Diễm Thiên Thương	19/5/1994	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 030809	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	54	
338	338	Nguyễn Thị Thùy Thương	02/12/2001	Nữ	Đăk Bla, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược D0001212	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	9	
339	339	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000782)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	6	
340	340	Huỳnh Thu Trang	05/11/1999	Nữ	Kong Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100990)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
341	341	Trịnh Nhã Trang	01/6/2002	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000358	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	4	
342	342	Phan Thị Bảo Trâm	25/9/1996	Nữ	Chư Puh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021406)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	34	
343	343	Nguyễn Ngọc Trí	27/02/1995	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000479)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	1	
344	344	Trịnh Thị Thu Trinh	20/6/2000	Nữ	Ia Hrug, Gia Lai	Đại học ngành Dược (QH36202200191)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	44,5	
345	345	Phan Thị Ngọc Trinh	22/11/1997	Nữ	Dray Bhang, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược (DU 000243)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	35	
346	346	Thái Thị Ngọc Trinh	23/02/1996	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (030478)	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	7	
347	347	Nguyễn Lan Trinh	05/7/2000	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302329)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
348	348	Nguyễn Kiều Trinh	20/11/1997	Nữ	Canh Vinh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (TDU.3000129)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	38	
349	349	Nguyễn Thị Bảo Trúc	22/7/1993	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược B.M.U.D.000929	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	51	
350	350	Nguyễn Thị Hoàng Trúc	14/4/1988	Nữ	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (004943)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
351	351	Nguyễn Chí Trung	01/01/1994	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000657	Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	54,5	
352	352	Bùi Thị Tú Uyên	15/6/1995	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D.0000449)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
353	353	Cao Thanh Vân	03/11/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10204907)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	76,5	
354	354	Võ Thị Thảo Vân	10/10/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0000723	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	71,5	
355	355	Mạc Thị Thảo Vi	25/5/1993	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược DS00912	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	45	
356	356	Hà Thị Trúc Vi	13/10/2001	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302626)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)		Bỏ thi
357	357	Nguyễn Văn Việt	05/01/1998	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược DLH0500476	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	7	
358	358	Hoàng Xuân Vinh	13/12/2001	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000195)	Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27	
359	359	Nguyễn Khánh Vy	14/5/1998	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000179)	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	42	
360	360	Nguyễn Thị Tường Vy	15/3/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104420))	Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	80,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Ghi chú
361	361	Trần Tường Vy	02/8/1999	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104254)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	12	
362	362	Huỳnh Như Ý	10/10/1998	Nam	Ea Wy, Đăk Lăk	Đại học ngành Dược GA0584	Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	80,5	
363	363	Trần Thị Thi Ý	01/9/1995	Nữ	Canh Vinh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300560)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	83,5	
364	364	Phan Ngọc Yến	14/11/1994	Nữ	Kông Chro, Gia Lai	Đại học ngành Dược (014596)	Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	76,5	
365	365	Nguyễn Thái Thị Mỹ Yến	06/3/1994	Nữ	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104257)	Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Vân Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	31,5	
366	366	Hồ Thị Hải Yến	12/3/1999	Nữ	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301828)	Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	81,5	

Tổng danh sách: 366 thí sinh